

Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút vốn đầu tư vào du lịch tỉnh Quảng Ninh

NCS. Th.S. Phạm Quế Anh

Trường Bồi dưỡng cán bộ Quản lý văn hóa, thể thao và Du lịch

Là một tỉnh có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, Quảng Ninh không chỉ nổi tiếng với di sản thế giới, kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long mà vùng đất này cũng có rất nhiều danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử hấp dẫn khác. Nhận thức được vai trò của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh, đồng thời dựa trên những định hướng chiến lược của ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tỉnh Quảng Ninh đang nỗ lực rất nhiều trong việc thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm thu hút vốn đầu tư cho phát triển du lịch.

1. Sự cần thiết phải thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch

Cũng như với các ngành kinh tế khác, thu hút vốn đầu tư có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của ngành du lịch. Việc xác định quy mô và định hướng đầu tư vốn đúng đắn sẽ tạo điều kiện cho du lịch phát triển bền vững, khai thác tốt các tiềm năng và bảo vệ cảnh quan môi trường. Vì vậy, không ngừng thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch là sự cần thiết khách quan bởi một số lý do sau:

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế: Thu hút đầu tư sẽ làm cho lượng vốn đầu tư tăng lên, do đó sản lượng đầu ra cũng tăng lên sẽ góp phần phát triển ngành du lịch nói riêng và thúc đẩy các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân phát triển thông qua việc tạo ra một thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các ngành. Từ nông nghiệp, thủy hải sản, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, công nghiệp hàng tiêu dùng đến điện lực, nước sạch, bưu chính, viễn thông... tiêu thụ được sản phẩm thông qua bán sản phẩm và dịch vụ cho khách du lịch và doanh nghiệp du lịch.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Đầu tư chính là phương tiện đảm bảo cho cơ cấu kinh tế được hình thành hợp lý. Ngành du lịch là một bộ phận cấu thành nên nền kinh tế do đó thu hút vốn đầu tư vào du lịch sẽ làm ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp chuyển sang dịch vụ. Từ đó, thu hút nhiều lực lượng lao động và tạo ra một thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các ngành khác.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng cường khoa học kỹ thuật và nâng cao năng

lực quản lý điều hành kinh doanh: Thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch sẽ làm cho trình độ khoa học kỹ thuật của ngành du lịch được tăng lên thông qua các dự án đầu tư được triển khai, thay thế các thiết bị công nghệ lạc hậu. Đối với các nước đang phát triển, mặc dù tích lũy vốn và công nghệ thấp nhưng cũng có những lợi thế của người đi sau tiếp thu, thích nghi và làm chủ công nghệ có sẵn, do đó rút ngắn thời gian và giảm rủi ro trong áp dụng công nghệ mới. Đồng thời thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch sẽ góp phần nâng cao được trình độ quản lý, năng lực điều hành của một số nhà doanh nghiệp.

2. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút vốn đầu tư vào du lịch tỉnh Quảng Ninh

2.1 Điều kiện tự nhiên, kinh tế — xã hội

Là một tỉnh miền núi duyên hải, Quảng Ninh có 80% diện tích đất đai là đồi núi. Hơn 2.000 hòn đảo nổi trên mặt biển phần lớn đều là núi, với tổng diện tích là 620km². Địa hình được chia ra thành các vùng đồi núi, vùng trung du đồng bằng và vùng biển đảo. Khí hậu Quảng Ninh tiêu biểu cho khí hậu các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Đây là vùng biển nhiệt đới gió mùa. Mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều, gió thịnh hành là gió nam. Mùa đông lạnh, khô hanh, ít mưa, gió đông bắc.

2.2 Tiềm năng phát triển du lịch

- Tài nguyên du lịch tự nhiên: Địa hình đáy biển Quảng Ninh không bằng phẳng, độ sâu trung bình là 20m, có những lạch sâu là di tích các dòng chảy cổ và có những dải đá ngầm làm nơi sinh trưởng các rạn san hô rất phong phú đa dạng. Đặc biệt vùng biển Quảng Ninh có Vịnh Hạ Long, di sản thiên nhiên thế giới. Vùng ven biển và hải đảo Quảng Ninh ngoài những bãi bồi phù sa.

- Tài nguyên du lịch văn hoá - tâm linh: Bên cạnh tài nguyên du lịch tự nhiên, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là mảnh đất sinh sống của nhiều dân tộc anh em, tài nguyên du lịch văn hóa — tâm linh cũng mang lại nhiều giá trị cho phát triển du lịch. Quảng Ninh có gần 500 di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, tạo nên một quần thể điểm tham quan du lịch văn hóa độc đáo. Các lễ hội được tổ chức gắn liền với các di tích lịch sử văn hóa tạo nên giá trị nhân văn sâu sắc, thu hút khách thập phương đến tham quan, du lịch.

2.3 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Nhiều năm qua, Quảng Ninh là tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao so với khu vực miền Bắc và trong cả nước. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng bình quân hàng năm là 12.6% giai đoạn 2006 — 2011, cao hơn tăng trưởng GDP của Hải Phòng, Hà Nội và trung bình cả nước. Nếu như năm 2005, GDP tỉnh Quảng Ninh chỉ đạt 7.336 tỷ đồng thì đến năm 2011, GDP đạt 14.920 tỷ đồng, gấp 2 lần. Nhờ đó GDP bình quân đầu người năm 2011 của tỉnh Quảng Ninh là 47,564 triệu đồng/người/năm. Một khi thu nhập của người dân tăng lên thì chi tiêu cũng tăng theo, trong đó có chi tiêu cho hoạt động du lịch, vui chơi, giải trí...nên đây cũng là một nhân tố quan trọng để thu hút đầu tư.

2.4 Hệ thống cơ sở hạ tầng hỗ trợ đầu tư

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc... đã được cải thiện đáng kể, có tác động tích cực đến sự phát triển du lịch của địa phương, góp phần tăng khả năng vận chuyển hành khách, khả năng tiếp cận các điểm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt của du khách và là nhân tố quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch tỉnh

- Hệ thống giao thông vận tải: Quảng Ninh bao gồm giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, giao thông đường biển, giao thông đường sắt và các cảng hàng không.

- Hệ thống cung cấp nước: Quảng Ninh đã xây dựng được hệ thống các nhà máy nước có công suất lớn, đáp ứng đủ nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất. Toàn tỉnh còn có 69 công trình hồ, đập các loại. Hệ thống hồ, đập chính tập trung tại các vùng nông nghiệp như huyện Đông Triều, Yên Hưng và các huyện miền Đông. Hệ thống này gồm 7 công trình với tổng trữ lượng 222 triệu m³, có khả năng cung cấp nước tưới cho 28.500 ha; trong đó công trình lớn nhất là hồ Yên Lập (thuộc địa phận huyện Yên Hưng) với trữ lượng 118 triệu m³, có khả năng cung cấp nước tưới cho 10.000 ha và cung cấp nước sinh hoạt cho 100.000 dân.

- Hệ thống truyền tải điện: Tính đến năm 2010, Quảng Ninh đang vận hành 03 nhà máy điện với tổng công suất 1.010MW trong đó bao gồm: Nhiệt điện Uông Bí (110MW+ 300MW); Nhiệt điện Quảng Ninh (300MW); Nhiệt điện Cẩm Phả I (300MW). Ngoài ra có hệ thống lưới điện truyền tải 220kV, 500KV, 110KV và hệ thống lưới điện trung thế nhằm đảm bảo truyền tải nguồn công suất điện năng từ các nhà máy điện, cùng với các trạm biến áp vận hành tương đối ổn định đảm bảo được nhu cầu cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, tháng 10 năm 2013, dự án đưa lưới điện ra huyện đảo Cô Tô đã hoàn thành. Đây là công trình đi đầu trong cả nước đưa điện lưới vượt biển ra đảo bằng cáp ngầm và nằm trong chiến lược phát triển du lịch quan trọng của Tỉnh.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống bưu chính viễn thông đã đạt tiêu chuẩn quốc tế, đủ điều kiện đáp ứng được các nhu cầu và hình thức thông tin. Mạng viễn thông được trang bị các thiết bị kỹ thuật số với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đa dịch vụ: Đến đầu năm 2009 trên địa bàn tỉnh đã có 693 trạm phát sóng di động BTS góp phần phục vụ tốt nhu cầu trên Vịnh Hạ Long và các khu di tích danh thắng Yên Tử và Núi Bài thơ. Ba mạng di động chính đã phủ sóng 14/14 huyện, thị xã, thành phố cùng nhiều đảo xa của tỉnh. - Hệ thống doanh nghiệp: Tính đến ngày 30/06/ 2010, trên địa bàn Quảng Ninh hiện có khoảng 12.852 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, kinh doanh với tổng số vốn đăng ký 98.778 tỷ đồng. Trong đó có 2042 Công ty cổ phần (vốn 29.136 tỷ); 2748 Công ty trách nhiệm hữu hạn (vốn 19.135 tỷ); 1102 doanh nghiệp t# nhân (vốn 1.078 tỷ) hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, nhà hàng, khách sạn và các lĩnh vực khác.

2.5 Lợi thế so sánh của tỉnh

Quảng Ninh có một số lợi thế so sánh so với các tỉnh khác trong cả nước, thể hiện ở các yếu tố sau:

i) Tinh duy nhất của Việt Nam hội tụ đầy đủ các điều kiện tự nhiên cho phát triển kinh tế, văn hóa — xã hội mang tính đặc trưng của Việt Nam như: rừng — tài nguyên — biển — du lịch — biên giới, thương mại...

ii) Có điều kiện thông thương với Trung Quốc tốt nhất Việt Nam qua hệ thống các cửa khẩu trên đất liền và trên biển

iii) Trung tâm số 1 Việt Nam về tài nguyên than đá, công nghiệp điện, xi măng, vật liệu xây dựng

iv) Có điều kiện tốt nhất cho phát triển du lịch: Biển, văn hóa tâm linh (Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, Yên Tử, Cửa Ông, Vân Đồn...)

v) Tỉnh có chiều dài đường biển lớn nhất 250km với hơn 2000 hòn đảo, chiếm 2/3 số đảo của cả n#ớc, trong đó trên 1000 đảo đã có tên

vi) Tỉnh duy nhất có 4 thành phố trực thuộc tỉnh (Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả)

vii) Tỉnh tập trung đông nhất công nhân mỏ có thu nhập cao là thị trường đầy tiềm năng cho các nhà cung cấp, phân phối hàng hóa

viii) Tỉnh duy nhất được Chính phủ phê duyệt xây dựng khu kinh tế Vân Đồn theo định hướng trở thành trung tâm du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao, trung tâm thương mại và tài chính quốc tế bao gồm các khu tài chính ngân hàng quốc tế, khu phi thuế quan, thương mại; một trong những đầu mối giao thông quốc tế, dịch vụ hàng không, hàng hải

ix) Là tỉnh hoàn thành sớm nhất đề án cải cách hành chính của Chính phủ, hiện đang triển khai thực hiện Chính phủ điện tử để đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính.

Như vậy, Quảng Ninh là tỉnh có đầy đủ điều kiện tự nhiên ưu đãi, vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện và những lợi thế so sánh khác biệt. Để phát huy tối đa những lợi thế vốn có, Quảng Ninh đã và đang định vị tầm nhìn mới, tư duy chiến lược mới, quy hoạch phát triển mới và vì một tương lai mới của con người xã hội nơi đây... và theo đó là định hướng, quy hoạch xây dựng các chương trình, dự án có tính khả thi cao kèm theo là một chính sách mới có sức thu hút, lôi cuốn các nhà đầu tư để tương lai sẽ hướng tới xây dựng một trung tâm công nghiệp giải trí hàng đầu Việt Nam

3. Một số giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào du lịch tỉnh Quảng Ninh

Để tận dụng được các lợi thế trên nhằm mục đích thu hút vốn đầu tư (trong và ngoài nước) vào du lịch tỉnh Quảng Ninh đòi hỏi phải có sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và Nhà nước (trung ương và địa phương) trong đó Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt và định hướng thu hút đầu tư vào du lịch của Tỉnh theo hướng:

- Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển đột phá ngành du lịch; xây dựng cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt các đơn vị, cá nhân chủ quản các khu, điểm du lịch vi phạm các quy định về đảm bảo vệ sinh môi trường du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch.

- Ban hành các quy định đối với các tiêu chuẩn chất lượng và bảo vệ môi trường của tàu du lịch, tiêu chuẩn, chứng chỉ hành nghề của đội ngũ nhân viên phục vụ trên tàu du lịch, khách sạn, nhà hàng... để đảm bảo tính chuyên nghiệp và chất lượng cao.

- Quy định về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, quy hoạch vùng, quy hoạch các khu, điểm du lịch và quy hoạch từng dự án cụ thể, đặc biệt là công tác quản lý và khai thác các dịch vụ du lịch trên Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long, các khu di tích quốc gia đặc biệt.

- Bổ sung nhân lực và các điều kiện vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch tại các địa phương thuộc 4 trung tâm du lịch trọng điểm: Hạ Long, Đông Triều — Uông Bí — Quảng Yên, Vân Đồn, Móng Cái — Trà Cổ.

- Chú trọng tổ chức, sắp xếp lực lượng thanh tra du lịch đủ mạnh để làm tốt thanh tra trong lĩnh vực du lịch.

- Tăng cường quản lý và tổ chức có hiệu quả các hoạt động kinh doanh lữ hành: loại bỏ những doanh nghiệp yếu kém, chấn chỉnh công tác quản lý lữ hành, đặc biệt là công tác quản lý lữ hành đón khách du lịch Trung Quốc tại Móng Cái. Xây dựng mô hình quản lý lữ hành đối với khách du lịch Trung Quốc.

- Tăng cường quản lý và tổ chức hiệu quả các hoạt

động kinh doanh các cơ sở lưu trú, hoạt động kinh doanh ăn uống, kinh doanh các khu, điểm du lịch, các loại hình vui chơi giải trí.

- Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý du lịch thông qua việc tổ chức các chương trình bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ quản lý, kỹ năng, ngoại ngữ...; tổ chức bồi dưỡng kiến thức về quản lý du lịch, xúc tiến du lịch, văn hóa ứng xử, cán bộ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến du lịch ở các ngành như Công an, Hải quan, Biên phòng, Giao thông vận tải...

- Bổ sung nhân lực và các điều kiện vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch tại các địa phương thuộc 4 trung tâm du lịch trọng điểm: Hạ Long, Đông Triều — Uông Bí — Quảng Yên, Vân Đồn, Móng Cái — Trà Cổ.

- Xây dựng và sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Du lịch phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách; triển khai áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành quản lý chất lượng dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong quản lý và phát triển du lịch./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Nhung (2012), Một số biện pháp thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư vào du lịch, luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh (2012), Thông cáo báo chí về kết quả hội nghị xúc tiến đầu tư Quảng Ninh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2013), Cẩm nang xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2013), Kế hoạch hành động và triển khai thực hiện chương trình hành động quốc gia về du lịch tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2013 — 2020.

5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Du lịch, luật số 44/2005/QH11.

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), Luật Đầu tư, luật số 59/2005/QH11.